Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên
TP.Điện Biên - Tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04 /2022/QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày 10 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT/BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 tháng 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2022. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu làm căn cứ và áp dụng trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung và thay thế bằng văn bản mới thì sẽ được thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế đó.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành tỉnh: Nội vụ, Tài chính, Kho bạc nhà nước, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ; Tài chính;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Đài phát thanh truyền hình tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lê Thành Đô

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04 /2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn *(sau đây gọi chung là công chức cấp xã)* trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với những người tham gia dự tuyển và công chức tập sự được tuyển dụng vào làm công chức cấp xã gồm 06 chức danh sau: Văn phòng - Thống kê; Tài chính - Kế toán; Tư pháp - Hộ tịch; Địa chính - Xây dựng - Đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và môi trường (đối với xã); Văn hóa - Xã hội; Chỉ huy trưởng Quân sự được quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Nguyên tắc tuyển dụng

1. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan, đúng pháp luật.

2. Đảm bảo tính cạnh tranh trong tuyển dụng, mọi công dân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều được tham gia dự tuyển công chức cấp xã.

3. Tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.

4. Ưu tiên tuyển chọn người có tài năng, người có công với đất nước, người dân tộc thiểu số.

Chương II
TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ
Mục 1

Điều 4. Căn cứ tuyển dụng

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã theo khoản 1 Điều 1 Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, bản, tổ dân phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã hằng năm theo từng chức danh công chức thuộc phạm vi quản lý, báo cáo UBND các huyện, thành phố, thị xã (Sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) xây dựng phương án tuyển dụng để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức tuyển dụng theo quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã phải nêu cụ thể số lượng chức danh công chức cấp xã theo quy định, số lượng công chức cấp xã hiện có và số lượng công chức cấp xã còn thiếu so với số được quy định theo từng chức danh, điều kiện đăng ký dự tuyển theo từng chức danh công chức cấp xã.

Điều 5. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức

1. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

a) Có 1 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.

b) Đủ 18 tuổi trở lên.

c) Có phiếu đăng ký dự tuyển *(theo mẫu quy định)*.

d) Có lý lịch rõ ràng, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc của cơ quan, đơn vị, tổ chức đang công tác xác nhận.

đ) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng và tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã theo quy định (Không phân biệt loại hình đào tạo, trường công lập, ngoài công lập).

e) Có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức tốt.

f) Có đủ năng lực và sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí chức danh đăng ký dự tuyển.

g) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

a) Không cư trú tại Việt Nam.

b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

d) Những người không được làm kế toán theo quy định tại Điều 52 Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015 không được đăng ký dự tuyển chức danh công chức Tài chính – kế toán cấp xã.

đ) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã xác định các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển gắn với trình độ và ngành đào tạo chuyên môn, các kỹ năng, kinh nghiệm quy định tại điểm h, khoản 1 Điều này, đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể và nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng theo đúng quy định của pháp luật trong kế hoạch tuyển dụng, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và tổ chức tuyển dụng theo quy định của Quy chế này.

4. Ngoài các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, người đăng ký dự tuyển chức danh công chức cấp xã quy định tại Điều 1 Quy chế này phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển dụng theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Quy chế này.

Điều 6. Phương thức tuyển dụng

1. Đối với các chức danh công chức cấp xã: Văn phòng – thống kê, Địa chính – xây dựng – đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính – kế toán, Tư pháp – hộ tịch, Văn hóa – xã hội:

Tuyển dụng công chức cấp xã thông qua thi tuyển. Đối với các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định của cấp có thẩm quyền có thể thực hiện việc tuyển dụng thông qua hình thức xét tuyển.

2. Đối với chức danh công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã: Thực hiện việc tuyển dụng thông qua xét tuyển và bổ nhiệm đối với người có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ năm 2019 và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tuyển dụng công chức không qua thi tuyển, xét tuyển đối với các trường hợp đặc biệt thực hiện quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Điều 6 Thông tư 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ,

công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Ưu tiên trong tuyển dụng

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 1, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ.

2. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển công chức cấp xã thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 quy định tại Khoản 2 Điều 12 và điểm b khoản 1 Điều 13 Quy chế này.

Điều 8. Thẩm quyền tuyển dụng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xây dựng phương án tuyển dụng gửi Sở Nội vụ phê duyệt và tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định sau khi phương án được Sở Nội vụ phê duyệt; căn cứ kết quả tuyển dụng được Sở Nội vụ phê duyệt, quyết định tuyển dụng công chức cấp xã đúng vị trí chức danh cần tuyển; xếp lương đối với người đã hoàn thành chế độ tập sự; hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự không đạt yêu cầu, trừ trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã quy định tại khoản 3, Điều 6 quy chế này.

b) Căn cứ số lượng người đăng ký dự tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thành lập Hội đồng thi tuyển hoặc Hội đồng xét tuyển *(Hội đồng thi tuyển, Hội đồng xét tuyển sau đây gọi chung là Hội đồng tuyển dụng).*

c) Trường hợp số lượng người đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng công chức cấp xã trong phạm vi quản lý của cấp huyện dưới 20 người thì không phải thành lập Hội đồng tuyển dụng; Phòng Nội vụ cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ, sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ cấp huyện giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã, khi tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã vẫn phải thành lập các Ban giúp việc theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

2. Sở Nội vụ:

a) Thẩm định và phê duyệt phương án tuyển dụng trước khi UBND cấp huyện tổ chức tuyển dụng và phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức cấp xã trước khi Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc tuyển dụng công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 9. Hội đồng tuyển dụng

1. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ.

2. Hội đồng tuyển dụng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện *(trong trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng)* ban hành nội quy, quy chế kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển công chức cấp xã theo quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức*(Sau đây gọi là Thông tư số 06/2020/TT-BNV).*

Mục 2
TIÊU CHUẨN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, TIÊU CHUẨN CỤ THỂ NỘI DUNG,HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 10. Tiêu chuẩn chung đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển công chức cấp xã có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này còn phải đạt đủ các tiêu chuẩn sau:

1. Đối với các chức danh công chức cấp xã được quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này *(trừ chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự).*

a) Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước;

b) Có năng lực tổ chức vận động Nhân dân ở địa phương thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước;

c) Am hiểu và tôn trọng phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư trên địa bàn công tác.

d) Có trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp Trung học phổ thông;

đ) Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã. Trường hợp người dự tuyển chức danh công chức cấp xã làm việc tại các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt ít nhất phải đạt trình độ cao đẳng trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức được đảm nhiệm. Sau khi được tuyển dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có Quyết định tuyển dụng phải được đào tạo trình độ Đại học trở lên chuyên ngành đào tạo phù hợp với chức danh công chức đang đảm nhiệm.

2. Đối với công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã:

a) Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành Quân sự cơ sở;

b) Đạt đủ các tiêu chuẩn theo quy tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này và bảo đảm điều kiện về tuổi tuyển dụng, điều kiện xem xét bổ nhiệm theo khoản 1 Điều 17, Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10/4/2013 của

Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn.

c) Ngoài những tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều này, người đăng ký dự tuyển công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã còn phải có khả năng phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thực hiện một số nhiệm vụ phòng thủ dân sự; phối hợp với các lực lượng có liên quan giữ gìn an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của Nhà nước.

Điều 11. Tiêu chuẩn cụ thể và ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã

1. Tiêu chuẩn cụ thể chức danh công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ và Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ. Nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 13/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

2. Ngành đào tạo có liên quan đến nhiệm vụ chức danh công chức cấp xã căn cứ bằng tốt nghiệp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không phân biệt loại hình đào tạo, trường công lập hay ngoài công lập. Trường hợp cần thiết có thể đối chiếu nội dung, chương trình của ngành đào tạo để xem xét ngành đào tạo phù hợp hay không phù hợp với chức danh cần tuyển dụng, cụ thể các ngành như sau:

a) Công chức Văn phòng - thống kê: Khoa học chính trị; Xã hội học và nhân học; Quản trị - Quản lý; Thống kê.

b) Công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường hoặc công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường:

Đối với vị trí chức danh Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường ở phường, thị trấn: Kiến trúc và quy hoạch; Xây dựng, Quản lý xây dựng; Kiểm soát và bảo vệ môi trường; chuyên ngành Luật phù hợp.

Đối với vị trí chức danh Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường ở xã: Gồm các chuyên ngành như công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường ở phường, thị trấn *(trừ ngành kiến trúc và quy hoạch)* và các ngành đào tạo về Nông nghiệp; Lâm nghiệp.

c) Công chức Tài chính - kế toán: Tài chính – Ngân hàng- Bảo hiểm; Kế toán - Kiểm toán;

d) Công chức Tư pháp - Hộ tịch: Luật;

đ) Công chức Văn hóa - xã hội: Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam; Khoa học chính trị; Xã hội học và nhân học; Công tác xã hội; Nhân văn khác, Sư phạm Ngữ Văn.

3. Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ; Điều 17 Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng đối với Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn.

Điều 12. Nội dung, hình thức và thời gian thi tuyển

Việc thi tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

1. Vòng 1: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện không có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy.

a) Nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần:

Phần I: Kiến thức chung 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thời gian thi 60 phút;

Phần II: Tin học 30 câu hỏi về kiến thức cơ bản, kỹ năng ứng dụng tin học văn phòng vào nhiệm vụ chuyên môn. Thời gian thi 30 phút;

Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi tin học.

b) Miễn phần thi tin học (vòng 1) đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học hoặc toán - tin trở lên.

c) Kết quả thi Vòng 1 được xác định theo số câu hỏi trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2 theo quy định tại khoản 2 Điều này.

d) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho người dự tuyển được biết ngay sau khi làm bài thi trên máy vi tính; không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

đ) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau: Chậm nhất là 15 ngày sau ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả điểm thi để người dự tuyển biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày sau ngày thông báo kết quả điểm thi trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để người dự tuyển được biết; Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng không quá 15 ngày.

e) Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo triệu tập người dự tuyển đủ điều kiện dự thi vòng 2;

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập người dự tuyển được tham dự vòng 2 thì phải tổ chức thi vòng 2.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí chức danh công chức yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau, bảo đảm phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng.

b) Hình thức thi: Thi phỏng vấn hoặc thi viết:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hình thức thi phỏng vấn hoặc thi viết. Trường hợp vòng 2 được tổ chức bằng hình thức phỏng vấn thì không thực hiện việc phúc khảo.

c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút, thi viết 180 phút.

d) Thang điểm *(thi phỏng vấn hoặc thi viết)*: 100 điểm.

Điều 13. Nội dung và hình thức xét tuyển

1. Đối với các chức danh công chức cấp xã được quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này *(trừ chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự*, việc xét tuyển được thực hiện theo 2 vòng như sau:

a) Vòng 1:

Kiểm tra văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2 quy định tại điểm b Khoản này.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo triệu tập người dự tuyển đủ điều kiện dự phỏng vấn vòng 2. Đồng thời thông báo đến cá nhân không đủ điều kiện tham dự phỏng vấn vòng 2. Niêm yết danh sách đủ điều kiện và không đủ điều kiện dự phỏng vấn vòng 2

trên Cổng thông tin điện tử của huyện và tại trụ sở UBND huyện ,UBND các xã trên địa bàn huyện.

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập người dự tuyển được tham dự vòng 2 thì phải tổ chức thi phỏng vấn.

b) Vòng 2: Phỏng vấn để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn của người dự tuyển. Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100. Thời gian phỏng vấn 30 phút. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, thực hiện xét các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại Điều 5 và khoản 2, Điều 10 Quy chế này.

Mục 3
TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 14. Xây dựng và phê duyệt phương án tuyển dụng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh và số lượng cán bộ công chức cấp xã theo từng chức danh được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, rà soát số lượng, chức danh công chức cấp xã hiện có và số lượng chức danh công chức cấp xã còn thiếu so với số lượng, chức danh công chức cấp xã được giao; xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã hàng năm theo từng chức danh công chức cấp xã thuộc phạm vi quản lý, báo cáo Ủy ban nhân cấp huyện xem xét, tổng hợp.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng phương án tuyển dụng công chức cấp xã thuộc phạm vi cấp huyện quản lý.

Nội dung, phương án tuyển dụng công chức cấp xã phải nêu đầy đủ các nội dung sau: Tổng số cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo quy định, số hiện có, số kiêm nhiệm, số còn thiếu, số cần tuyển của huyện, thị xã, thành phố và của từng xã, phường, thị trấn đề nghị tuyển dụng; điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển theo từng chức danh công chức cấp xã; nêu rõ vị trí chức danh cần tuyển dụng; hình thức và nội dung thi tuyển hoặc xét tuyển, kinh phí tổ chức thực hiện việc thi tuyển hoặc xét tuyển; thời gian và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển, thời gian, địa điểm tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển. Đối với chức danh cần 02 người đảm nhiệm phải nêu rõ lĩnh vực phụ trách, ngành đào tạo của công chức hiện có và lĩnh vực phụ trách của vị trí chức danh cần tuyển, ngành đào tạo của vị trí cần tuyển.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng theo đúng quy định sau khi có ý kiến phê duyệt phương án tuyển dụng của Sở Nội vụ.

Điều 15. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo công khai ít nhất 01 lần trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử và niêm yết công

khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn huyện nơi tuyển dụng công chức.

2. Nội dung thông báo tuyển dụng công chức cấp xã bao gồm:

a) Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển công chức cấp xã;

b) Số lượng công chức cần tuyển theo từng chức danh công chức;

c) Nội dung, yêu cầu về Phiếu đăng ký dự tuyển; thời hạn và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển; số điện thoại liên hệ;

d) Hình thức và nội dung thi tuyển hoặc xét tuyển; thời gian và địa điểm tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển; phí tuyển dụng.

3. Người đăng ký dự tuyển công chức phải nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính.

4. Trường hợp người đăng ký dự tuyển tham gia kỳ xét tuyển công chức thì ngoài việc nộp phiếu đăng ký dự tuyển còn phải nộp bản sao văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức đã đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển.

5. Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày sau ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng.

6. Chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải lập danh sách người có đủ điều kiện dự tuyển và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng và gửi thông báo tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

Điều 16. Tổ chức tuyển dụng

1. Khi hết thời gian nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, chậm nhất là 10 ngày trước khi tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức tuyển dụng.

2. Trường hợp số lượng người đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng công chức cấp xã trong phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện dưới 20 người thì không phải thành lập Hội đồng tuyển dụng; Phòng Nội vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tuyển dụng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

3. Việc tổ chức tuyển dụng theo hình thức thi tuyển áp dụng Đối với các chức danh công chức cấp xã được quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy chế này *(trừ chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự)* được thực hiện theo Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng

chức danh nghề nghiệp viên chức và Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ.

4. Việc tổ chức tuyển dụng theo hình thức xét tuyển chỉ áp dụng đối với tuyển dụng công chức cấp xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và xét tuyển, bổ nhiệm áp dụng đối với chức danh công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã được thực hiện theo Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Nội quy, quy chế kỳ tuyển dụng công chức cấp xã áp dụng theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ.

Điều 17. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy chế này đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này *(nếu có)* cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 12 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này *(nếu có)* bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Điều 18. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Quy chế này đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này *(nếu có)* cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này *(nếu có)* bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn vòng 2 quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Quy chế này cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã là người đạt các điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển quy định tại Điều 5 và Điều 10 Quy chế này và theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện. Trường hợp số người dự tuyển Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã nhiều hơn chỉ tiêu cần tuyển dụng thì Hội đồng xét tuyển đề nghị tuyển người có trình độ chuyên môn cao hơn, tiếp đến là kết quả học tập cao hơn.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có cùng trình độ đào tạo trong kỳ xét tuyển thì Hội đồng tuyển dụng đề nghị người trúng tuyển là người có kết quả học tập cao hơn; nếu có từ 02 người trở lên có kết quả học tập bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định người trúng tuyển.

4. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

Điều 19. Thông báo kết quả tuyển dụng và hồ sơ người trúng tuyển

1. Chậm nhất là 10 ngày sau ngày nhận được báo cáo kết quả vòng 2 của Hội đồng tuyển dụng hoặc Phòng Nội vụ cấp huyện *(trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng)*, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải niêm yết công khai kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển, danh sách người dự kiến trúng tuyển tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện và trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện; gửi thông báo kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 15 ngày sau ngày niêm yết công khai kết quả vòng 2, người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả trong trường hợp thi tuyển vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy chế này bằng hình thức thi viết. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo theo quy định tại khoản này.

3. Sau khi thực hiện các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Hội đồng tuyển dụng hoặc Phòng Nội vụ *(trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng)* báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả tuyển dụng;Chủ tịch UBND cấp huyện trình Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt kết quả tuyển dụng, Chủ tịch UBND cấp huyện căn cứ Thông báo của Sở Nội vụ gửi

thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo công nhận kết quả trúng tuyển phải ghi rõ thời gian người trúng tuyển đến Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đăng ký dự tuyển để hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển và thời gian người trúng tuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận quyết định tuyển dụng.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đăng ký dự tuyển để hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển.

4. Hồ sơ trúng tuyển phải được bổ sung để hoàn thiện trước khi ký quyết định tuyển dụng, bao gồm:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác hoặc cư trú;

b) Bản sao giấy khai sinh;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch thuật sang tiếng Việt, được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế đủ điều kiện cấp và trong thời hạn sử dụng theo quy định;

đ) Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp. Trường hợp người trúng tuyển có lý do chính đáng mà không thể đến hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển thì phải làm đơn đề nghị được gia hạn trước khi kết thúc thời hạn hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển gửi đến Phòng Nội vụ. Thời gian gia hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển quy định tại khoản này.

5. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc Hội đồng tuyển dụng phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển và thông báo cho người dự tuyển, đồng thời thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trên trang thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận kết quả trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề bằng nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy chế này *(trong trường hợp tổ chức*

thi tuyển công chức) hoặc quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 18 Quy chế này *(trong trường hợp xét tuyển công chức).*

Điều 20. Thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc

1. Đối với các chức danh Văn phòng - Thống kê, Địa chính - Xây dựng - Đô thị và môi trường *(đối với phường, thị trấn)* hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và môi trường *(đối với xã),* Tài chính - Kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa - Xã hội:

Căn cứ thông báo công nhận kết quả trúng tuyểntheo quy định tại khoản 3 Điều 19 Quy chế này và hồ sơ của người trúng tuyển công chức cấp xã đã hoàn thiện đủ theo quy địnhtại khoản 4 Điều 19 Quy chế này chậm nhất 10 ngày Chủ tịch UBND cấp huyện ra quyết định tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự:

Căn cứ thông báo công nhận kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Quy chế này và hồ sơ của người trúng tuyển công chức cấp xã đã hoàn thiện đủ theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Quy chế này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tuyển dụng vàbổ nhiệm Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã theo đề nghị bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện.

3. Trong thời hạn chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức có lý do chính đáng mà không thể đến nhận việc thì phải làm đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn nêu trên gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện; thời gian xin gia hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nhận việc quy định tại khoản này.

4. Trường hợp người trúng tuyển vào công chức cấp xã không đến nhận việc sau thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng, đồng thời ra quyết định tuyển dụng đối với người đủ điều kiện trúng tuyển có điểm thi thấp hơn liền kề.

Điều 21. Giám sát kỳ thi tuyển, xét tuyển, khiếu nại, tố cáo, lưu trữ tài liệu

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thành lập Ban giám sát kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; lưu trữ tài liệu thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ.

Điều 22. Kinh phí tổ chức thi tuyển công chức cấp xã

1. Phí tuyển dụng công chức cấp xã do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) quyết định theo quy định tại Thông

tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Việc nộp phí tuyển dụng chỉ áp dụng đối với người đủ điều kiện, tiêu chuẩn nộp hồ sơ thi tuyển, khi nộp hồ sơ thi tuyển thì phải nộp phí tuyển dụng theo quy định.

2. Kinh phí tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định về tuyển dụng công chức hành chính. Căn cứ quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí tuyển dụng và dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí tổ chức thi tuyển công chức cấp xã đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Mục 4
TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ KHÔNG QUA THI TUYỂN, XÉT TUYỂN

Điều 23. Các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã

1. Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Điều 5 và tiêu chuẩn công chức cấp xã quy định Điều 10 Quy chế này và yêu cầu công việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được tuyển dụng không qua thi tuyển, xét tuyển đối với các trường hợp đặc biệt sau:

a) Người tốt nghiệp đại học đạt loại giỏi trở lên ở trong nước hoặc đạt loại khá trở lên ở nước ngoài, có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng;

b) Người có trình độ từ đại học trở lên có chuyên ngành đào tạo phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng, có thời gian ít nhất 5 năm (đủ 60 tháng) trở lên làm công việc phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng (không kể thời gian tập sự, thử việc), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Nếu có thời gian công tác không liên tục, chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn.

2. Công chức cấp xã được bầu giữ chức vụ quy định là cán bộ cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức vụ (không trong thời hạn bị kỷ luật) thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tiếp nhận trở lại. Trường hợp không còn vị trí chức danh công chức cấp xã thì giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức cấp xã theo Quy chế này được bố trí chức danh theo đúng chuyên ngành đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm thì thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trước ngày được tuyển dụng, tiếp nhận vào công chức (nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà

chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) được tính để làm căn cứ xếp lương phù hợp với chức danh công chức được tuyển dụng.

4. Việc tuyển dụng công chức cấp xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

a) Hội đồng kiểm tra, sát hạch có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; 01 ủy viên là lãnh đạo phòng Nội vụ, kiêm Thư ký Hội đồng; 01 ủy viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến bố trí công chức sau khi được tiếp nhận; các ủy viên khác là đại diện một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển; sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận. Hình thức và nội dung sát hạch do Hội đồng kiểm tra, sát hạch căn cứ vào yêu cầu chức danh công chức cần tuyển, báo cáo Chủ tịch nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định trước khi tổ chức sát hạch; Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 24. Điều kiện, tiêu chuẩn tuyển dụng công chức cấp xã trong trường hợp đặc biệt

1. Việc xác định tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ở trong nước, loại khá trở lên ở nước ngoài đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Quy chế này được căn cứ vào xếp loại tại bằng tốt nghiệp.

2. Các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Quy chế này có thời gian 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên làm công việc phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng (không kể thời gian tập sự, thử việc), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc. Nếu có thời gian công tác không liên tục, chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn, gồm:

a) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, đã có thời gian làm viên chức 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên, tính từ thời điểm được tuyển dụng viên chức (không kể thời gian tập sự);

b) Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang (Quân đội, Công an, Biên phòng) và người làm công tác cơ yếu, đã có thời gian công tác 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên trong lực lượng vũ trang (Quân đội, Công an, Biên phòng) hoặc làm công tác cơ yếu, tính từ thời điểm có quyết định tuyển dụng chính thức vào quân đội, công an hoặc tại các tổ chức của lực lượng cơ yếu.

3. Cán bộ cấp xã giữ chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ, khi thôi đảm nhiệm chức vụ cán bộ cấp xã thì được xem xét, tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển nếu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Quy chế này;

b) Còn số lượng và vị trí chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng;

c) Đáp ứng được ngay yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng;

d) Trường hợp trước khi bầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã chưa phải là công chức cấp xã thì thời gian giữ chức vụ cán bộ cấp xã ít nhất là 05 năm (đủ 60 tháng) trở lên;

đ) Tại thời điểm tiếp nhận không trong thời gian bị xem xét kỷ luật; bị điều tra, truy tố, xét xử và không trong thời hạn bị thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Khi tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch theo quy định tại khoản 4 Điều 23 Quy chế này, trừ trường hợp trước khi được bầu giữ chức vụ cán bộ cấp xã đã là công chức cấp xã.

Điều 25. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển và xét tuyển vào công chức cấp xã

1. Hồ sơ của người đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển và Hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã thông qua xét tuyển bao gồm:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó công tác hoặc cư trú;

b) Bản sao giấy khai sinh;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cấp xã dự tuyển được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

d) Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế đủ điều kiện cấp và trong thời hạn sử dụng theo quy định;

đ) Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp nơi thường trú cấp. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Quy chế này thì không yêu cầu phải có Phiếu lý lịch tư pháp;

e) Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác và các hình thức khen thưởng đã đạt được, có nhận xét và xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người được đề nghị tiếp nhận đang công tác.

f) Trường hợp xét tuyển công chức là Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã phải có ý kiến bằng văn bản của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện;

g) Quyết định phê chuẩn, công nhận giữ các chức vụ, chức danh cán bộ cấp xã, hay tuyển dụng vào viên chức, lực lượng vũ trang...; quyết định được xếp lương hay bổ nhiệm vào ngạch, chức danh nghề nghiệp; xác nhận đóng bảo hiểm xã hội, quyết định nâng bậc lương gần nhất.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm về các điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển.

Mục 5
TẬP SỰ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 26. Chế độ chính sách đối với người tập sự

1. Người được tuyển dụng vào làm công chức cấp xã phải thực hiện chế độ tập sự để làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của chức danh công chức được tuyển dụng.

2. Thời gian tập sự và chế độ được hưởng trong thời gian tập sự thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ.

3. Thời gian nghỉ ốm đau từ 14 ngày trở lên, thời gian nghỉ không hưởng lương, thời gian bị tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật, thời gian người tập sự là nữ nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội không được tính vào thời gian tập sự.

4. Thời gian tập sự không được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương.

5. Nội dung tập sự:

a) Nắm vững quy định của Luật Cán bộ, công chức về quyền, nghĩa vụ của công chức, những việc công chức không được làm; nắm vững cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội quy, quy định làm việc của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang công tác và chức trách, nhiệm vụ của chức danh công chức được tuyển dụng;

b) Trau dồi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của chức danh công chức được tuyển dụng;

c) Tập giải quyết, thực hiện các công việc của chức danh công chức được tuyển dụng.

6. Không thực hiện chế độ tập sự đối với:

a) Các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã.

Điều 27. Hướng dẫn tập sự và chế độ, chính sách đối với người hướng dẫn tập sự

1. Chậm nhất sau 07 ngày làm việc kể từ ngày công chức đến nhận việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải cử người cùng chuyên môn, nghiệp vụ hoặc người có năng lực và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn người tập sự nắm vững và tập làm những công việc theo yêu cầu nội dung tập sự quy định tại khoản 5 Điều 26 Quy chế này.

2. Người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công hướng dẫn tập sự được hưởng hệ số phụ cấp trách nhiệm bằng 0,3 so với mức lương cơ sở trong thời gian hướng dẫn người tập sự.

Điều 28. Công nhận đối với người hoàn thành chế độ tập sự

1. Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản, người hướng dẫn tập sự phải nhận xét, đánh giá kết quả tập sự đối với người tập sự bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả cộng việc của người tập sự. Trường hợp người tập sự đạt yêu cầu của chức danh công chức thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương cho công chức cấp xã được tuyển dụng.

Điều 29. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự

1. Quyết định tuyển dụng bị hủy bỏ trong trường hợp người tập sự không đáp ứng được yêu cầu của chức danh công chức tập sự hoặc bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên trong thời gian tập sự.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc người có thẩm quyền theo phân cấp quản lý công chức của địa phương *(sau khi có Quyết định phân cấp của cơ quan có thẩm quyền)* ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người tập sự bị hủy bỏ quyết định tuyển dụng được Ủy ban nhân dân cấp xã trợ cấp 01 tháng lương, phụ cấp hiện hưởng (nếu có) và tiền tàu xe về nơi cư trú.

Điều 30. Trường hợp được miễn thực hiện chế độ tập sự

1. Người được tuyển dụng vào chức danh công chức cấp xã: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hoá - xã hội, được miễn thực hiện chế độ tập sự khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại khoản 2 Điều 26 Quy chế này;

b) Trong thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại điểm a Khoản này, người được tuyển dụng công chức cấp xã đã làm những công việc phù hợp với nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã được tuyển dụng;

2. Người được tuyển dụng công chức cấp xã nếu không có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì phải thực hiện chế độ tập sự. Thời gian người được tuyển dụng đã làm những công việc quy định tại điểm b khoản 1 Điều này *(nếu có)* được tính vào thời gian tập sự.

Điều 31. Xếp lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng công chức cấp xã

1. Đối với trường hợp đang được xếp lương theo ngạch, bậc, chức vụ, cấp hàm theo bảng lương do Nhà nước quy định:

Trường hợp đang được xếp lương theo ngạch chuyên viên hoặc tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp ngạch, bậc, hệ số lương theo đúng thẩm quyền và theo quy định hiện hành, báo cáo kết quả xếp lương về Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý.

2. Đối với trường hợp chưa được xếp lương theo ngạch, bậc, chức vụ, cấp hàm theo bảng lương nhà nước quy định:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có phương án xếp lương cụ thể đối với từng trường hợp và có văn bản kèm theo bản sao sổ bảo hiểm xã hội được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, các quyết định liên quan về lương của cơ quan có thẩm quyền của từng trường hợp, gửi Sở Nội vụ có ý kiến thống nhất bằng văn bản trước khi quyết định xếp lương.

3. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, văn bản đề nghị xếp lương của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Nội vụ phải có văn bản trả lời. Trường hợp hồ sơ đề nghị chưa đủ theo quy định thì trong thời gian 5 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nội vụ có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện đủ hồ sơ theo quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

2. Thẩm định phê duyệt phương án tuyển dụng, kết quả tuyển dụng công chức cấp xã trong từng kỳ tuyển dụng công chức cấp xã.

3. Hướng dẫn, thanh tra, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định của pháp luật và Quy chế này; có văn bản thống nhất

trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển, xét tuyển đối với các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức cấp xã; thẩm định, thống nhất bằng văn bản để Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định xếp lương đối với công chức cấp xã được tuyển dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Quy chế này.

4. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với các quy định của pháp luật khi cấp có thẩm quyền ban hành các quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế các quy định về tuyển dụng công chức cấp xã.

Điều 33. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, sử dụng kinh phí thi tuyển công chức cấp xã theo quy định.

Điều 34. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện; xây dựng phương án tuyển dụng công chức cấp xã của địa phương, đảm bảo theo đúng quy định;

b) Thành lập Hội đồng tuyển dụng tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã;

c) Tổ chức thi tuyển, xét tuyển, kiểm tra, sát hạch công chức cấp xã theo quy định tại Quy chế này và pháp luật hiện hành;

d) Trình Sở Nội vụ phê duyệt phương án tuyển dụng và kết quả tuyển dụng công chức cấp xã.

đ) Quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển theo quy định hiện hành; thông báo kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng, quyết định xếp lương công chức cấp xã.

Điều 35. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Rà soát, xác định vị trí chức danh công chức cần tuyển dụng;

b) Xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Quyết định phân công người hướng dẫn tập sự đối với người trúng tuyển kỳ tuyển dụng công chức cấp xã; theo dõi, đánh giá quá trình tập sự của công chức cấp xã.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để nghiên cứu tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.